TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2025/QĐST-LĐ	*TP. Thái Bình, ngày 24 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Khánh Linh

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp: Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 37/2024/TLST-LĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2024/QĐST-LĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Mai Thị H, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Tổ 3, phường H1, thành phố T, tỉnh T.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Chị Trần Thị D, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh T.

2.2. Công ty TNHH M (nay là Công ty TNHH H2);

Địa chỉ: Đường T1, khu công nghiệp P, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông/Bà Du Li P1 – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc công ty.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị H3 – Chức vụ: Nhân viên phòng Nhân sự. Nơi cư trú: thôn Đ1 2, xã P2, thành phố T, tỉnh T. *(Theo Giấy uỷ quyền ngày 11/01/2025).*

2.3. Công ty TNHH T2;

Địa chỉ: Lô E6+E7, Khu công nghiệp P, phường P3, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông W – Chức vụ: Giám đốc Công ty.

2.4. Bảo hiểm xã hội tỉnh T;

Địa chỉ: Số 07, đường L, phường L1, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T3 - Chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh T.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Mạc Thanh H4 – Chức vụ: Phó Giám đốc BHXH tỉnh. *(Theo Giấy uỷ quyền số 2588/UQ-BHXH ngày 29/10/2024).*

(Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, chị Mai Thị H trình bày:

Tháng 10/2009, chị Mai Thị H làm công nhân cắt chỉ tại Công ty TNHH M (nay là Công ty TNHH H2), khi ký kết hợp đồng lao động chị H đã mượn giấy tờ của chị Trần Thị D và lấy tên Trần Thị D để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M. Chị H không lưu giữ được hợp đồng lao động nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy trên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động mang tên Trần Thị D và Công ty TNHH M nhưng thực tế chị H là người trực tiếp làm việc và tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội nhưng dưới họ tên là Trần Thị D, số sổ bảo hiểm xã hội TZ55556938.

Từ tháng 6/2010 đến tháng 3/2011, chị Mai Thị H làm kiểm hàng mộc tại Công ty TNHH T2, khi ký kết hợp đồng lao động chị H đã mượn giấy tờ của chị Trần Thị D và lấy tên Trần Thị D để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2. Chị H không lưu giữ được hợp đồng lao động nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy trên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động mang tên Trần Thị D và Công ty TNHH T2 nhưng thực tế chị H là người trực tiếp làm việc và tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội nhưng dưới họ tên là Trần Thị D, số sổ bảo hiểm xã hội TZ55565457.

Chị H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết mang tên chị Trần Thị D (trên thực tế là chị Mai Thị H ký) và Công ty TNHH M trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 10/2009 và tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa tôi (lấy tên Trần Thị D) và Công ty TNHH T2 trong thời gian từ tháng 06/2010 đến tháng 03/2011 là vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH M (nay là Công ty TNHH H2) trình bày:

Từ ngày 07/8/2017 Công ty TNHH M chính thức đổi tên thành Công ty TNHH may Texhong T, sau đó đến ngày 16/12/2021 đổi tên thành Công ty TNHH H2.

Công ty xác nhận chị Trần Thị D đã làm việc tại Công ty TNHH M trong thời gian từ tháng 10/2009 đến hết tháng 10/2009. Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ cho chị Trần Thị D, số sổ bảo hiểm xã hội TZ55556938 từ tháng

10/2009 đến tháng 10/2009. Sau đó chị Trần Thị D đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty. Công ty TNHH M đã giải quyết, thanh toán hết lương, tiền trợ cấp thôi việc cho chị Trần Thị D và không còn lưu trữ hồ sơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH T2 trình bày:

Công ty xác nhận chị Trần Thị D đã làm việc tại Công ty TNHH T2 trong thời gian từ tháng 06/2010 đến tháng 03/2011. Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ cho chị Trần Thị D, số sổ bảo hiểm xã hội TZ55565457 từ tháng 6/2010 đến tháng 3/2011. Sau đó chị Trần Thị D đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty. Công ty TNHH T2 đã giải quyết, thanh toán hết lương, tiền trợ cấp thôi việc cho chị Trần Thị D và không còn lưu trữ hồ sơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh T trình bày:

Chị Trần Thị D, sinh ngày 05/3/1988, tại số sổ bảo hiểm xã hội TZ55556938 có thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty TNHH M (nay là Công ty TNHH H2) từ tháng 10/2009 đến tháng 10/2009 là 01 tháng và tại số sổ bảo hiểm TZ55565457 có thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty TNHH T2 từ tháng 6/2010 đến tháng 3/2011 là 10 tháng.

Tổng số tiền 02 đơn vị trên đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là: Công ty TNHH M đóng 260.000 đồng, trong đó người sử dụng lao động đóng 187.200 đồng, người lao động đóng 72.800 đồng và Công ty TNHH T2 đóng 3.309.819 đồng, trong đó người sử dụng lao động đóng 2.322.680 đồng, người lao động đóng 987.139 đồng. Hiện nay Bảo hiểm xã hội tỉnh không lưu giữ Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH M và chị Trần Thị D từ tháng 10/2009 đến tháng 10/2009 và Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH T2 và chị Trần Thị D từ tháng 06/2010 đến tháng 03/2011. Bảo hiểm xã hội tỉnh T đề nghị Tòa án xử lý yêu cầu của chị Mai Thị H theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị D trình bày:

Tháng 10/2009 chị D đã cho chị Mai Thị H mượn chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị D để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M (nay là Công ty TNHH H2). Trên thực tế, chị Mai Thị H là người ký hợp đồng và làm việc tại Công ty TNHH M, nhưng trên hợp đồng lao động ký kết giữa chị H với công ty, người lao động tên là Trần Thị D và sổ bảo hiểm xã hội của chị H đóng trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 10/2009 mang tên Trần Thị D, số sổ bảo hiểm xã hội TZ55556938.

Sau đó từ tháng 6/2010 đến tháng 3/2011 chị H tiếp tục mượn hồ sơ của tôi để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2. Trên thực tế, chị H là người ký kết hợp đồng và làm việc tại Công ty TNHH T2, nhưng trên hợp đồng lao động ký kết giữa chị H với công ty, người lao động tên là Trần Thị D và sổ

bảo hiểm xã hội của chị H đóng trong thời gian từ tháng 6/2010 đến tháng 3/2011 mang tên Trần Thị D, số sổ bảo hiểm xã hội TZ55565457.

Tương ứng thời gian kể tên, chị D đang làm việc tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Vũ Thư từ tháng 4/2009 đến tháng 12/2012 và cũng tham gia đóng bảo hiểm xã hội, số sổ 2606001880, tên Trần Thị D. Sau đó chị D nghỉ việc và đi làm thủ tục chốt sổ bảo hiểm xã hội để hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp 01 lần nhưng không được do bị chị D còn 02 sổ bảo hiểm và đóng trùng 11 tháng BHXH với cùng tên Trần Thị D.

Nay chị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa chị H và Công ty TNHH M (nay là Công ty TNHH H2) trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 10/2009 và hợp đồng lao động đã ký kết giữa chị H và Công ty TNHH T2 trong thời gian từ tháng 06/2010 đến tháng 03/2011 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật. Chị D hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của chị H và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình căn cứ vào Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị H, đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH M và chị Trần Thị D (do chị Mai Thị H ký) trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 10/2009 và hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH T2 và chị Trần Thị D (do chị Mai Thị H ký) trong thời gian từ tháng 06/2010 đến tháng 03/2011 là vô hiệu, giao cho các cơ quan chức năng có liên quan điều chỉnh hồ sơ cho phù hợp để đảm bảo, giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động. Chị Mai Thị H phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH M (nay là Công ty TNHH H2) và Công ty TNHH T2 có địa chỉ tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Căn cứ điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

[2] Xét thấy việc chị Mai Thị H mượn chứng minh nhân dân của chị Trần Thị D để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M (nay là Công ty TNHH H2) và Công ty TNHH T2 là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của chị Mai Thị H là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị H, tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty TNHH M (nay là Công ty TNHH H2) và chị Trần Thị D (do chị Mai Thị H ký) trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 10 và hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty TNHH T2 và chị Trần Thị D (do chị Mai Thị H ký) trong thời gian từ tháng 6/2010 đến tháng 3/2011 là vô hiệu.

[3] Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ: Xét thấy mặc dù có sự lừa dối khi ký kết hợp đồng lao động giữa chị Mai Thị H (hồ sơ mượn tên chị Trần Thị D) với Công ty TNHH M (nay là Công ty TNHH H2) và Công ty TNHH T2 nhưng trên thực tế chị H có làm việc tại công ty, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc công ty có đóng bảo hiểm cho chị H (mang tên chị Trần Thị D, số sổ bảo hiểm xã hội lần lượt là TZ55556938 và TZ55565457). Do vậy cần điều chỉnh tên Trần Thị D trên Sổ bảo hiểm xã hội số TZ55556938 và TZ55565457 thành Mai Thị H. Chị Mai Thị H và chị Trần Thị D có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin từ Trần Thị D thành Mai Thị H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị H.

2. Tuyên bố:

- Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH M (nay là Công ty TNHH H2) và chị Trần Thị D (do chị Mai Thị H ký) trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 10/2009 là vô hiệu.

- Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH T2 và chị Trần Thị D (do chị Mai Thị H ký) trong thời gian từ tháng 6/2010 đến tháng 3/2011 là vô hiệu.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Điều chỉnh thông tin nhân thân số sổ bảo hiểm xã hội TZ55556938 và TZ55565457 từ Trần Thị D, sinh ngày 05/3/1988, số chứng minh nhân dân 151637382 thành Mai Thị H, sinh ngày 16/12/1981, căn cước công dân số 034181005941 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/01/2022. Chị Trần Thị D và chị Mai Thị H có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Trần Thị D thành Mai Thị H.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Mai Thị H phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000866 ngày 17/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành tiền lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Mai Thị H có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Công ty TNHH M (nay là Công ty TNHH H2), Công ty TNHH T2, chị Trần Thị D, Bảo hiểm xã hội tỉnh T có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- *VKSND TP. Thái Bình;*
- *Người yêu cầu;*
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *Lưu: Hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Khánh Linh